TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số:18/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 12 - 2022
"*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Bích Liên;

Ông Nguyễn Duy Tài.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Phạm Quang Đại - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà***: Ông Phùng Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 23/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị G, sinh năm 1991; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố L, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi làm việc hiện nay: Số xxx, đường B, phường xx, quận xx, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. *Bị đơn*: Anh Kiều Văn Đ, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố L, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 19/6/2020 và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Kiều Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 18/9/2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Hợp Hòa, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn chị và anh Đ chung sống tại gia đình anh Đ tại thị trấn Hợp Hòa, huyện Tam Dương. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng tháng 11/2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ nhiều lần đánh chị. Đến tháng 8/2016, mâu thuẫn vợ

chồng trầm trọng vẫn do nguyên nhân trên nên chị đi nơi khác ở, chị và anh Đ sống ly thân cho đến nay. Quá trình sống ly thân cả hai bên đều không quan tâm, không có trách nhiệm với nhau. Năm 2019 anh Đ đi lao động tại Nhật Bản, tháng 11 năm 2022 anh Đ về nước. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Kiều Văn Đ.

Anh Kiều Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa. Tại biên bản lấy lời khai anh Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị G tự nguyện đăng kí kết hôn ngày 18/9/2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Hợp Hòa, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh phúc. Sau khi kết hôn anh và chị G chung sống với gia đình anh tại thị trấn Hợp Hòa, huyện Tam Dương. Thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, khoảng tháng 11 năm 2013 phát sinh mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống, tính cách, lối sống không hòa hợp. Đến khoảng tháng 6/2016 thì mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Quá trình sống ly thân cả hai không quan tâm và liên lạc với nhau. Năm 2019, anh đi lao động tại Nhật Bản, tháng 11/2022 thì trở về Việt Nam. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị G đề nghị ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Chị G và anh Đ đều xác nhận anh chị có 02 con chung là cháu Kiều Mộc Minh A, sinh ngày 29/12/2013 và cháu Kiều Mộc Thu N, sinh ngày 20/11/2015. Hiện nay cháu Minh Anh đang ở cùng anh Đức, cháu Thu Ngân đang ở cùng chị G. Ly hôn, anh chị đều đề nghị để chị G tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Thu Ngân, anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Minh Anh. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị G, anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đ và chị G đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Kiều Mộc Minh A, sinh ngày 29/12/2013, cháu Minh Anh có nguyện vọng ở với bố là anh Kiều Văn Đ và lấy lời khai của cháu Kiều Mộc Thu N, sinh ngày 20/11/2015, cháu Thu Ngân có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Trần Thị G.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã đảm bảo đúng trình tự, thủ tục từ khi thụ lý đến tại phiên tòa sơ thẩm; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị G, xử cho chị G ly hôn với anh Kiều Văn Đ. Giao cháu Kiều Mộc Minh A, sinh ngày 29/12/2013 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Kiều Mộc Thu N, sinh ngày 20/11/2015 cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về án phí và chi phí tố tụng đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Trần Thị G có đơn xin ly hôn với anh Kiều Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại thị trấn Hợp Hòa, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Đơn xin ly hôn được nộp tại Tòa án nhân dân huyện Tam Dương nên Tòa án nhân dân huyện Tam Dương thụ lý vụ án là đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tam Dương xác định được anh Đ đã đi lao động tại Nhật Bản từ tháng 3 năm 2019 nên Tòa án nhân dân huyện Tam Dương chuyển vụ án lên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thu thập chứng cứ anh Đ về nước và Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tiến hành xét xử vụ án giữa các đương sự theo quy định của pháp luật. Nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

[1.2]. Về việc vắng mặt bị đơn và thủ tục hòa giải: Nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị không tiến hành hòa giải. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự theo quy định của pháp luật được, nên theo quy định tại Khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự đây là vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa anh Đ vắng mặt, anh Đ đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung khởi kiện:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị G và anh Kiều Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Hợp Hòa, nên đây quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Qua thu thập chứng cũng như lời trình bày của anh Đ và chị G đều xác định anh chị đã có nhiều mâu thuẫn và sống ly từ năm 2016 đến nay. Trong thời gian sống ly thân cả hai bên đều không có biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng. Chị G, anh Đ đều xác định tình vợ chồng không còn điều đó chứng tỏ

mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được chị G xin ly hôn, anh Đ cũng đồng ý. Do vụ án không tiến hành hòa giải được nên cần xử cho chị Trần Thị G và anh Kiều Văn Đ được ly hôn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh Đ và chị G có 02 con chung là cháu Kiều Mộc Minh A, sinh ngày 29/12/2013 và cháu Kiều Mộc Thu N, sinh ngày 20/11/2015. Hiện nay cháu Minh Anh đang ở cùng anh Đức, cháu Thu Ngân đang ở cùng chị G. Ly hôn, các đương sự đều đề nghị để anh Đ được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Minh Anh, chị G được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Thu Ngân; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét thấy, đề nghị của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của các cháu Minh Anh và Thu Ngân nên cần được chấp nhận. Do các đương sự không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Các đương sự không đề nghị Toà án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị G chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí tố tụng: Chị Trần Thị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, xử:

1. Cho chị Trần Thị G và anh Kiều Văn Đ được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Kiều Mộc Minh A, sinh ngày 29/12/2013 cho anh Kiều Văn Đ tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Kiều Mộc Thu N, sinh ngày 20/11/2015 cho chị Trần Thị G tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Người trực tiếp nuôi con không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chi phí tố tụng: Trả lại chị Trần Thị G 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng chẵn) nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc theo biên lại thu số 0006789 ngày 02/12/2021.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị G phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2017/0009528 ngày 23/6/2020. Chị Trần Thị G đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Dương;
-Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND thị trấn Hợp Hòa, huyện Tam Dương;
- Các đương sự;
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Bích Ngọc